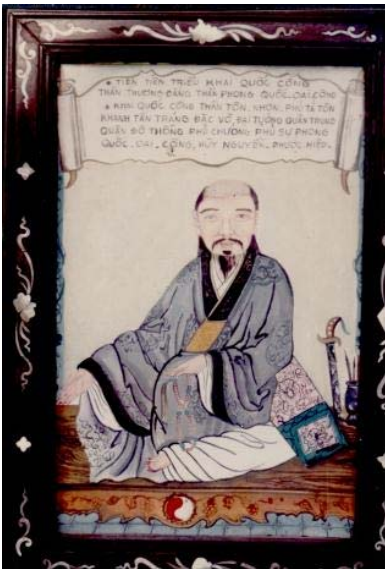


Kỷ niệm 380 năm Nam Bắc phân tranh (1627 – 2007)

NGHĨ VỀ ĐÀN TỂ CHIẾN SĨ TRẬN VONG CỦA TƯỚNG NGUYỄN PHÚC HIỆP

Tâm Khai



Dân tộc Việt Nam vừa trải qua hai cuộc chiến tranh Ba mươi năm (1945 – 1975) và một cuộc phân ly Nam Bắc Hai mươi năm (1955 – 1975).

Nội chiến và chia cắt lãnh thổ, chia cắt dân tộc bao giờ cũng là một thảm họa.

Kể từ kỳ độc lập đầu tiên sau Bắc thuộc với triều Ngô ngắn ngủi (938 – 944), nước Việt Nam đã rơi vào thời kỳ nội chiến và phân ly: Thời kỳ 12 sứ quân. Đó là kinh nghiệm dân tộc đầu tiên: Độc lập phải đi liền với thống nhất. Thống nhất là điều kiện tất yếu để giữ vững độc lập đồng thời độc lập phải đi đôi với thống nhất, ý nghĩa độc lập mới trọn vẹn.

Sau thời kỳ vững mạnh dưới hai triều đại Lý Trần (1009 – 1400) và Hậu Lê (1427 – 1527), Đại Việt đã bắt đầu một cuộc khủng hoảng. Uy Mục và Trương Dực mở đầu thời kỳ suy yếu của chế độ quân chủ trung ương lập quyền.

Đến Lê Chiêu Tông và Cung Hoàng thì “Thiên tử” chỉ còn là những con rối trong tay các triều thần có thế lực, mặc sức tranh giành quyền lực và củng cố địa vị. Đó là những dấu hiệu báo trước viễn cảnh tan rã của chính quyền trung ương để dẫn đến tình trạng địa phương cát cứ và nội chiến tương tàn trong hơn một thế kỷ rưỡi tiếp theo.

Năm 1533, khi Nguyễn Kim dựng vua Lê Trang Tông ở núi rừng Thanh Hóa, chính là mở màn cho cuộc phân ly gần ba trăm năm (1533 -1802).

Nam Bắc triều Lê-Mạc là cuộc phân ly đầu tiên của thời kỳ này. Tuy nhiên cuộc chiến Lê-Mạc chưa phải là một cuộc chiến đe dọa sự thống nhất dân tộc.

Vùng đồng bằng sông Hồng-Thái Bình ở phía bắc và vùng châu thổ sông Mã, sông Cả ở phía Nam từ lâu vốn là một chủ thể thống nhất. Mật độ dân số và tiềm lực kinh tế rõ ràng chưa thuận lợi cho một thể chia cắt. Tuy nhiên cuộc chiến tranh Lê-Mạc này tạo điều kiện để dẫn đến cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn (1627 – 1672) và sự phân ly lãnh thổ về sau.

Nguyễn Bình Khiêm (1491 – 1585), một nhà dịch học, địa-chính trị học, đã tổng kết về thời đại ông: Cả thiên hạ đua theo về lợi.

Toàn thể xã hội bị chi phối bởi cuộc tranh giành quyền lợi. Tư tưởng nhân nghĩa, yêu nước thương dân của Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi không còn nghe ai nhắc đến. Chỉ có “dụng” (yên thân) và “lợi”. Nguyễn Bình Khiêm đã quá rõ tâm can của các cá nhân và dòng họ thế lực đương thời. Nguyễn Bình Khiêm đã tiên đoán cái thể chia hai thiên hạ từ khi Nguyễn Hoàng trốn chạy vào Thuận Hóa (1558). “Bên kia dãy Hoàng Sơn...” chính là miền đất Thuận Quảng. Tại sao chiếm lĩnh miền Thuận Quảng lại là kẻ dung thân muôn đời? Phải chăng sự mở mang lãnh thổ về phía Nam đã sẽ hình thành những trung tâm chính trị mới mà trước tiên là Thuận Hóa, tạo tiền đề cho cuộc phân ly và chính sự phân ly, đôi lập Nam-Bắc, đã thúc đẩy cuộc Nam tiến vào tận vịnh Xiêm?

Cuộc hôn nhân Huyền Trân và Chế Mân năm 1306 đã đưa hai châu Ô và Lý trở về với Đại Việt (trở về là ý tưởng của Lê Quý Đôn). Thuận Hóa mau chóng trở thành một vùng trọng yếu ở phía Nam biên cương tổ quốc. Lê Lợi giải phóng giang sơn, Lê Thánh Tông hành quân về phía Nam đều có sự đóng góp quan trọng của quân Thuận Hóa. Đến nửa đầu thế kỷ 16, Thuận Hóa đã là một vùng “núi non trùng điệp, vàng sắt chất chứa, sông bể mênh mông, cá muối, hào soạn tha hồ khai thác”.

Thuận Hóa và Quảng Nam với chúa Tiên Nguyễn Hoàng mau chóng trở thành miền đất hứa và khi mất (1613) Nguyễn Hoàng đã để lại cho Nguyễn Phúc Nguyên một giang sơn đủ đối đầu với họ Trịnh.

Cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn đã khởi đầu 14 năm sau: 1627 và kéo dài 45 năm (1627 -1672) với 7 lần đại chiến ! Để phục vụ cho cuộc nội chiến tương tàn đó, Trịnh và Nguyễn phải vắt đến tận cùng sức người và sức của của Đàng Ngoài và Đàng Trong. “Bắt lính” là nỗi sợ hãi của nhân dân. Năm 1630, quân Nguyễn tiến chiếm nam Bộ Chính, giết quan châu lấy hết tiền kho và “biến hết dân làm lính” (!) Thử tưởng tượng một vùng đất nông nghiệp và ngư nghiệp mà nay không còn lấy một người đàn ông cày ruộng và đi biển !

Ở ngay trên “miền đất hứa” mà chúa Nguyễn “vô về thu phục nhân tâm” việc bắt lính cũng diễn ra như là lòng bắt tội phạm.

“Mỗi năm, vào khoảng tháng ba, tháng tư, quân nhân đi ra các làng bắt dân từ mười sáu tuổi trở lên, những người thân thể cường tráng, đóng gông lại bằng một cái gông tre giống như cái thang nhưng hẹp hơn, để giải về phủ sung quân. Vào quân đội rồi, mỗi người chuyên học một nghề. Kế phân nhau đi theo các chiến thuyền để tập luyện. Có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự ở theo vương phủ làm khâu, tuổi chưa được sáu mươi chưa được về làng cùng cha mẹ vợ con đoàn tụ. Hằng năm thân thích đem quần áo, vật thực đến thăm mà thôi” (Hải ngoại kỷ sự)

Đàng ngoài thơ văn bình dân phản ánh nỗi khổ của người phụ nữ có chồng, con bị bắt lính, xông pha chiến trận để tranh quyền đoạt lợi cho nhà chúa:

Lính vua, lính chúa, lính làng,

*Nhà vua bắt lính cho chàng phải xa
Già vua bắt lính đàn bà,
Để em đi đỡ anh và bốn năm*

...

*Chém cha cái số chết hoang,
Làm cho thiếp phải gánh lương theo chồng
Gánh từ xứ Bắc, xứ Đông,
Đã gánh theo chồng lại gánh theo con!*

Đó là tiếng khóc, tiếng nguyện rủa của những người vợ, người mẹ, nạn nhân gián tiếp của cuộc nội chiến. Còn bản thân người lính ? Họ ý thức rất rõ về tính chất phi lý của cuộc nội chiến tương tàn. Họ oán giận các thế lực đã buộc họ cầm gươm giáo chém giết lẫn nhau. Kẻ chém, người bị chém có cùng chung số phận.

“Tao và mày đều là loài người cả, sao lại nhẫn tâm hại nhau ? Chỉ vì các chúa tranh giành nhau, đến nỗi tao và mày đều phải chết ngoài số mệnh !”

(Trịnh Nguyễn diễn chí)

Đời trước phò nhà Lê, chỉ một mình chúa Nguyễn Chiêu Huân [Nguyễn Hoàng] có công đầu. Mà chúa Nguyễn có được một góc đất này thì chưa xứng công kia.

Nay, một mình chúa Trịnh ta một mình coi bốn trấn, thiên hạ đều nắm trong tay, mà còn tham được thêm không chán (!) cho nên đem quân đi tranh giành, đến nỗi chúng ta chết không đúng số, mất cha mẹ, bỏ vợ con. Đó là cái lẽ gì ?”

Nói rồi, đều lớn tiếng cả giận. Từ đó Bắc quân đều sinh oán ngầm.

Để thúc giục họ hăng say tấn công, hãm thành, các tướng chỉ huy phải cho họ uống rượu cấp nô (rượu chóng say)!

Rõ ràng trong cuộc chiến bốn mươi lăm năm, người lính không có lòng căm thù quân địch mà các tướng lãnh muốn kích thích họ. Họ không chia sẻ tính chất “chính nghĩa” của cuộc chiến mà cả hai bên Trịnh Nguyễn đều muốn vô ngược giành về phía mình.

Chính tinh thần phản chiến đã khiến một người lính Bắc quân nào đó mách bảo cho người lính



Nam quân cách dập tắt lửa của vũ khí “điều dẫn hỏa” và cách tránh thương vong vì loại trái phá “một mẹ sinh năm con”. Cũng trong tinh thần phản chiến ấy mà lính Nam quân (binh Nghệ An) “hoặc bắn súng không đạn, hoặc múa gươm không chém và bỏ về mất quá nửa ...”

Trong hơn một trăm năm mươi năm, chỉ thấy có hai nhân vật nhìn ra cảnh núi xương sông máu, chiến tranh tương tàn là đại họa cho nhân dân. Đó là Mạc Ngọc Liên và Tôn Thất Hiệp (Nguyễn Phúc Hiệp)

Mạc Ngọc Liên trước khi chết đã viết thư cho vua Mạc kính cung:

“Nay họ Lê đã dấy lên được, ấy là trời đã định, còn dân ta thì có tội tình gì mà nữ để khô máu vì chiến tranh? Vậy nên ta đành phận lính mình ở nước ngoài. Chớ đừng có đem lòng cạnh tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước mình!”

Tôn Thất Hiệp, con của chúa Hiền vương Nguyễn Phúc Tần, Nguyên soái của Nam quân trong trận quyết chiến cuối cùng 1672, chứng kiến cái chết thảm khốc “không đứng số” của hàng vạn quân lính hai bên, đã “ngộ ra tính chất tàn hại phi lý của cuộc chiến tranh nội da xáo thịt đã kéo dài gần nửa thế kỷ!”

Cuộc chiến vừa chấm dứt, ngay tại mặt trận ông đã cho Nam quân mai táng các Bắc quân đã tử trận mà Bắc quân để lại và thiết lập hai đàn tế. Một cho Nam quân và một cho Bắc quân. “... bèn truyền lệnh lập đàn tế kính cẩn các tướng sĩ Nam quân ... và các Bắc quân tử trận, để cho u hồn được thỏa ...”

Bèn lập một đàn ở trong thành Trấn Ninh để tế Nam quân và một đàn ở ngoài thành để tế Bắc quân. Đều dùng lễ thái lao mà tế.

BÀI TẾ NAM QUÂN

Xót thay,
Hỡi các tướng sĩ đã mất trong trận!
Chúng người:
Chí nức tang hồng,
Uy trương mạnh liệt!
Hằng lo nạn sức để tông quân,
Luôn quyết dốc lòng mà báo chúa.
Hét hò hô hét; muôn nuốt sống lũ giặc kia,
Nhảy nhót ung bay, sao số trời đành ngăn ngui!
Giữa chiến trường, chết ấy nên danh,
Xông giáo mác, công lưu chẳng hủ!

Nghĩ tình nghĩa đau xót không kham,
Đặt đàn tế, khoa nghi đã đủ!

Hỡi các người!
Họp nghe lời mời
Ai ai xúm tới,
Hưởng rượu thịt, chung dự tiệc buồn
Lính vàng bạc, trở về Am phủ
Khuây lòng tướng sĩ nghìn sâu
Tỏ rõ ân tình vạn thuở
Phách có linh nên trở về giúp vợ con
Hồn có thiêng hãy tìm về xứ sở!

Hưởng cúng tế vô cùng,
Hộ cháu con mãi mãi
O hô! Xót thay!
Cúi mời tới hưởng



BÀI VĂN TẾ BẮC QUÂN

Xót thay!
Các người!
Chí dóc rán cung dâu,
Danh muốn ghi thẻ lụa.
Vì chúa ‘Không ngại bác đồng’
Ra sức liều mình tên đạn.
Bởi chúa người không lượng sức mạnh hèn,
Khiến chúng người phải xông pha sắc, nhọn.
Nào quân binh chưa có phẩm hàm,
Nào tướng sĩ đã là hầu bá,
Thình lình lửa phát cơn cuồng,
Thoạt chốc thân về âm phủ.
Hoặc lênh đênh chết chóc trên sa trường,
Hoặc chạy vạy lấp vùi nơi hiểm hóc!
Hoặc vì súng đạn lâm thương,
Hoặc bị đao thương đâm chết!
Hoặc không quen thủy thổ bị đau,
Hoặc rơi xuống hố hầm mà thác.
Hoặc đắm chìm trong sông suối bay hồn,
Hoặc đói khát giữa bụi rừng mất xác!
Than ôi!
Sống chưa thành công,
Tiếc nhĩ!
Chết mà không ích
Nay vâng lời đại đức dù thương,
Sắm sửa đặt lễ nghi đàn pháp
Mời thì cảm thông,
Tế thì lại hưởng.
Từ nay thì vạn thảm tiêu tan
Sau lại nghìn sâu cõi bỏ.
Hỡi các người!



*Tìm về nước cũ
Săn người ruột thịt nổi chung thường,
Nhận đúng làng mình, đừng ở xa xôi làm lữ
khách!
O hô !
Xót thay !
Tuế mời tới hưởng.*

“Tế xong, nguyên soái hiệp đức trong lòng xót xa không dứt”.

Nguyên soái hiệp đức (Tôn Thất Hiệp) từ mặt trận trở về “Thình lình phát lòng Bồ đề, bắt đầu mộ đạo từ bi. bên dựng một ngôi am nhỏ ở xa khách quán (phía Bắc thành Hoá Châu). Thường thường đốt hương lễ phật, hỏi đạo thăm thiền, đặt pháp, cầm kinh, đọc huyền, tụng chú.

Từ đó, lánh xa sắc đẹp, sợ với của cải, vui cùng hạt thiện rể nhân, có thể ví với tính hạnh mộc công (một vị tiên đời Hán)” (Trích Nam triều công nghiệp diễn chí – Trịnh nguyên diễn chí)

Vậy mà người đời không mấy người chia sẻ với nguyên soái Tôn Thất Hiệp – Đông cung thế tử là Nguyễn Phúc Diễn cho rằng: Hiệp đức lo việc cầu huyền bí để mưu đồ việc lớn, tranh ngôi anh”, muôn phá Tĩnh am ở Khách quán.

Tôn Thất Hiệp liền dời Tĩnh Am về Vân Thê và trở thành một vị thiền sư ngộ đạo.

Đàn tế của nguyên soái Tôn Thất Hiệp khiến chúng ta liên tưởng đến các đàn tế Trung Nam, Bắc vừa qua của thiền sư Nhật Hạnh.

(theo www.chuyenluan.net)



Nhà Sư Trẻ Gốc Việt Thọ Giới Tỳ Kheo Tây Tạng

(Trích báo xuân Việt Báo Tết Đinh Hợi, 2007)



Đường vào chùa tại Dharasala

Xuân Đinh Hợi này, đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ làm lễ thọ giới Tỳ Kheo cho một vị sư rất trẻ. Trước đó, cũng Ngài đã đích thân làm lễ thọ giới Sa Di và Cụ Túc cho nhà sư. Đây là điều đặc biệt vì

nhà sư là người đầu tiên rời Hoa Kỳ qua Ấn Độ xuống tóc trong một tu viện Tây Tạng vào dịp Tết Kỷ Mão 1999, khi mới 12 tuổi. Đặc biệt hơn nữa, đây là người Việt Nam đầu tiên được truyền thừa trong lịch sử hơn ngàn năm của Phật giáo Tây Tạng.

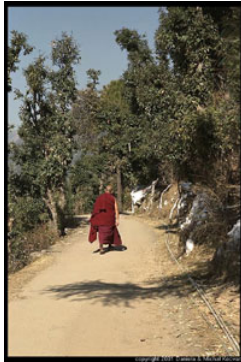
Sinh tại Quận Cam, ở miền Nam California trong một gia đình khá giả, lên tám tuổi, cậu bé họ Phạm đã muốn trở thành một Geshe Tây Tạng.

Mà Geshe là gì?

Geshe là học vị trong hệ thống Phật giáo Tây Tạng, tương đương với bằng Tiến sĩ về Phật học của Tây phương. Bình thường ra thì phải mất hai chục năm mới xong và nhiều người không xong nổi. Thế giới hiện chỉ có chừng 200 vị Geshe thôi.

Muốn được thành một Geshe thì phải thâm nhuần năm ngành học là Bát nhã ba la mật (Prajnaparamita), Trung quán luận (Madhyamika),

Giới luật (Vinaya), A tỳ đạt ma luận (Abidharma) và Lý luận căn bản (Pramana Vidya). Thấm nhuần ở đây là phải nhập tâm, bằng Tạng ngữ, trong vài chục năm tu tập gian nan, hầu có thể ứng đối tranh luận trong mọi tình huống về mọi chủ đề trong các cuộc khảo hạch thường xuyên và từ đó đi hồng pháp cho nhân thế. Đã vậy, từ thấp lên cao, học vị Geshe còn có bốn cấp là Dorampa, Lingtse, Tsorampa và cao nhất là Lharampa và trung bình thì phải sáu năm mới lên tới cấp tối ưu.



Thánh tăng Tây Tạng ngày nay, Kyabje Lati Rinpoche, được Đức Đạt Lai Lạt Ma yêu cầu hướng dẫn chú bé gốc Việt họ Phạm

Vị cao tăng Tây Tạng đã hướng dẫn chú bé họ Phạm là một Lharampa Geshe, một hóa thân của danh tăng Gongkar Rinpoche.

Ngài được tôn là châu báu trong hàng Thánh tăng Tây Tạng ngày nay, pháp danh là Kyabje Lati Rinpoche, hiện là cô vấn về Lý luận (Tsen-shabs) của đức Đạt Lai Lạt Ma. Môn sinh của Tulku Lati Rinpoche thường chỉ là những nhà sư được xác nhận là báo thân của một cao tăng, một vị đạo sư, một guru từ kiếp trước nguyện tái sinh để tiếp tục hạnh nguyện.

Và đức Đạt Lai Lạt Ma là người trực tiếp yêu cầu Tulku Lati Rinpoche dìu dắt chú bé.

Vì sao một chú bé sinh trong một gia đình Việt Nam tại Hoa Kỳ lại được nhận vào tu viện Tây Tạng, rồi được chính đức Đạt Lai Lạt Ma trao phó cho một vị cao tăng hàng đầu của Ngài việc hướng dẫn tu học đó?

Có lẽ phải đi từng bước để nhìn ra con đường học đạo của vị tăng người Việt này.

Với người Tây Tạng, đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân của Đại từ Đại bi Bồ tát Quán Thế Âm. Việt Nam ta quen gọi vị Bồ tát ấy là Phật Quan Âm, vì vậy, nhiều người cũng gọi Ngài là Phật Sống Tây Tạng. Người Tây Tạng tôn Ngài là "Kundun" với ý nghĩa ấy.

Trong hệ thống Phật giáo Tây Tạng, một Lạt Ma được coi là hiện thân của Phật, và Bồ tát nguyện tái sinh để cứu độ chúng sinh. Bậc hóa thân ấy được tôn là Tulku ("Chu cô" theo cách phiên âm Hán-Việt). Danh hiệu Lạt Ma chỉ được dành cho những người giảng dạy giáo pháp và có thẩm quyền thực hành

ngghi lễ của Phật giáo. Trong số những người được chúng nhận là Lạt Ma, những vị uyên thâm và cao quý nhất thì được tôn là Rinpoche (nghĩa là "vô cùng quý báu"). Trong hàng giáo phẩm và triều đình Tây Tạng, người ta thấy nhiều cao tăng được tôn vinh là Rinpoche.

Bây giờ, chúng ta có đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 - một vị Phật Sống - ủy thác cho một Tulku Rinpoche việc dẫn đạo cho một nhà sư trẻ của Việt Nam...

Nhà sư này phải có gì đặc biệt mà có lẽ người thường như chúng ta chưa thấy hết được.

Cách đây bốn năm, nhật báo Orange County Register đã gửi một phái đoàn gồm hai nhà báo Anh Đô và Teri Sforza cùng đoàn nhiếp ảnh và truyền hình qua tận Ấn Độ để làm loạt phóng sự bốn kỳ về chú tiểu họ Phạm này. Người ta có thể tham khảo loạt bài được biên tập và trình bày công phu dưới tựa đề "The Boy Monk" tại trang nhà của tờ báo trong bốn số ra ngày 19 đến 22 tháng Giêng 2003.

Từ ngày đó đến nay, việc tu học của nhà sư này đã có sự tăng tiến.

Một người Mỹ xuất gia sang Ấn Độ tu Phật giáo đã là hiếm, nhưng vẫn có. Một người sinh tại Mỹ - thuộc thế hệ thứ nhì vì cha mẹ là người Việt tỵ nạn - thì lại hiếm hơn. Đây lại là người Mỹ đầu tiên được nhận vào tu viện Tây Tạng Gaden Shartse, trong tỉnh Mundgod của tiểu bang Karnataka ở miền Nam Ấn Độ để được tu học thành Sa di. Tên Mỹ-Việt Donald Phạm đổi thành Konchog Osel. Người thân thì gọi là Kusho. Konchog có nghĩa là hiếm quý, Osel là tịnh quang, ánh sáng trong lành, và Kusho là một cao tăng.



Thế rồi, sau khi khảo hạch thì chính Tulku Lati Rinpoche đã thỉnh đức Đạt Lai Lạt Ma làm lễ thọ giới Cụ túc cho chú tiểu sa môn. Có mặt trong buổi lễ cử hành vào đúng ngày Phật Đản còn có bốn vị Rinpoche khác. Chú được

bạn pháp danh là Tenzin Drodon, nghĩa là "Người nắm giữ Phật pháp" (Tenzin) "cứu độ chúng sinh" (Drodon). Drodon là một pháp danh ít có trong hệ thống Tăng già Tây Tạng.

Ngày nay, Phật giáo Tây Tạng có một nhà sư dung mạo sáng rõ, nói sành sỏi tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Tây Tạng với phương ngữ quý phái của Kinh đô Lhasa, ở bên kia đỉnh núi tuyết ngàn trùng. Vào mùa Xuân Đỉnh Hội 2007, ở tuổi 21, Kusho sẽ thọ giới Tỳ kheo với đức Đạt Lai Lạt Ma, một điều kỳ lạ nữa. Trong lịch sử Tây Tạng, đây là người Việt đầu

tiên được chính đức Đạt Lai Lạt Ma truyền thừa và truyền giới.

Có thể là sau này người ta mới được biết thêm rằng nhà sư trẻ cũng là hóa thân của một hành giả, nguyện tái sinh trong một gia đình Việt Nam tại Mỹ và tu học trong tu viện Tây Tạng tại Ấn vì lợi ích của chúng sinh. Ba vị cao tăng đã lần lượt hướng dẫn nhà sư là Lharampa Geshe Tsultim Gyeltsen tại tu viện ở Long Beach, là Lharampa Geshe Lati Rinpoche, một vị Tulku tại tu viện Gaden Shartse ở Ấn Độ và đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14.

Bây giờ, chúng ta mới tìm hiểu về nhân vật này.

Vừa ra đời, Donald Phạm đã chững chạc như người lớn. Chú bé là học sinh ưu tú, thích âm nhạc, viết văn, trượt nước và chơi Nintendo! Là học trò giỏi tại trường Aliso Viejo Middle School, chú bé có đủ thứ game trong nhà và thừa điều kiện thành công trong một môi trường đầy cơ hội là Hoa Kỳ. Ước nguyện ban đầu của chú là thành nhà văn hay bác sĩ. Nhưng, khác mọi đứa trẻ cùng tuổi, chú ít nói, kín đáo nhìn mọi sự chung quanh và đặc biệt quan tâm đến người khác.

Cha mẹ chú là những người khá giả và chăm sóc kỹ lưỡng tâm hồn các con. Mẹ chú sùng đạo từ khi còn ở Việt Nam. Tại Hoa Kỳ thì cả gia đình thường đến ngôi chùa Tây Tạng ở Long Beach, do đức Đạt Lai Lạt Ma đặt tên là Thubten Dhargye Ling, để tu học Phật pháp. Đây là một việc không dễ vì từ nhà đến chùa là 90 cây số và một tuần, gia đình lên chùa ba lần.

Donald vào chùa là có phản ứng khác lạ. Tưởng đùa con lơ đãng nhìn quanh, bà mẹ ngạc nhiên vì chú nghe được hết và nói lại rành mạch những khái niệm rất lạ. Thí dụ như hiện tượng "tâm viên ý mã" trong lúc thiền định! Người lớn nghe đã thấy khó lãnh hội, huống hồ một đứa trẻ ở tuổi mẫu giáo!

Năm chú lên bốn, bà mẹ đọc báo thấy có tin là vị Đạo sư Lati Rinpoche sẽ đến thuyết pháp ở Los Angeles. Quá mừng khi được cơ hội gặp vị cao tăng mà mình đã đọc lời giảng trong sách từ khi còn mang thai chú bé, bà dẫn chú đi nghe và năm đó Donald đã quy y với Tulku Lati Rinpoche!

Khi chú lên năm, cô em kém chú hơn một tuổi bỗng khóc òa vì làm vỡ cái đĩa. Chú bé đứng cao hơn quây bếp đã lên giọng trấn an: "Đừng lo, đó chỉ là đồ vật thôi. Nếu chập vào vật nhỏ như vậy thì khi chết, làm sao cái tâm bỏ được cái thân này?"

Rồi sau đó, thay vì là nhà văn hay bác sĩ, năm lên tám, chú muốn thành một Geshe!

Thấy con mình có ý đi tu để thành Geshe, bà mẹ trình bày với vị Hoà thượng trụ trì tu viện Phật giáo Tây Tạng tại Long Beach là Lharampa Geshe Tsultim Gyeltsen, thường được Phật tử quý mến gọi là Geshe La.

Hoà thượng Geshe La khuyên là hãy kiên nhẫn tìm hiểu tâm tư chú bé đã. Cho con vào chùa là chuyện thường tình ở Á châu và Tây Tạng, nhưng chúng ta đang ở tại Hoa Kỳ, trong một khu vực trù phú lịch sự. Con đường tới chùa là một chặng đường khá xa cần phải tìm hiểu. Mà cách tìm hiểu hay nhất là chính họ phải qua tận Ấn Độ thăm viếng một ngôi chùa Tây Tạng đủ lâu để thấy hết tận mắt. Thầy dạy, tu viện là một đại dương, có rất nhiều ngọc ngà châu báu đầy nhưng cũng có cá mập.

Hãy tìm hiểu rồi mới quyết định cho chú bé.

Khi Donald Phạm lên chín, năm 1995, cha mẹ chú quyết định sang thăm tu viện, cách đó đúng là vạn dặm. Bước đầu là từ California bay qua Ấn Độ, rồi đi xe buýt leo đèo băng suối tới một tu viện trong khu định cư của người Tây Tạng tại Mundgod, thuộc tiểu bang Karnataka ở miền Nam Ấn Độ. Đó là tu viện Gaden Sharte của dòng Gelugpa Phật giáo Tây Tạng.

Khu vực định cư cho dân tỵ nạn thường không là một vùng đất trù phú thịnh vượng. Sự nghèo khổ và thiếu thốn là quy luật chung. Huống hồ là nơi tu hành. Người viện trưởng của Tu viện chính là ngài Tulku Lati Rinpoche mà gia đình họ Phạm đã đọc rồi đã gặp tại Los Angeles.

Phép sinh hoạt nơi đây là sự khắc khổ nghiêm ngặt. Mọi người thức giấc từ năm giờ sáng, chui tăng áo đồ tụng kinh đến bảy giờ rồi ăn sáng. Thực đơn khác hẳn bữa điểm tâm trong một ngôi nhà khang trang ở Laguna Niguel tại California. Bánh mì chấm trà có pha đường, bơ tẩm muối. Sau đó là học ngôn ngữ và tranh luận đến trưa. Quá Ngọ là buổi học với các đạo sư cho đến chiều. Cơm tối là cháo. Xong cơm là học tiếp về Phật pháp qua tranh luận, có khi đến nửa đêm...

Giáo trình đào tạo còn nặng hơn mọi trường tư thục ưu tú nhất của Mỹ! Và không có các màn giải trí qua truyền hình, chơi game, nghe nhạc từ DVD... Cũng không có quà vặt, máy giặt, máy xấy, nước nóng phòng riêng...

Làm sao cho con mình vào sống nơi đó?

Gia đình ở lại sáu tuần và chú Donald Phạm cho biết là muốn học đạo ở nơi đây.

Trường hợp của chú hiền nhiên đã được Geshe La và Tulku Rinpoche chú ý. Phải tìm lời giải trong phép khảo chứng bí truyền của Tây Tạng. Vị cao tăng thực hiện buổi lễ linh thiêng ấy chính là Tuku Rinpoche. Lời giải là chú bé này là một đứa trẻ đặc biệt, sẽ vào chùa thành một vị sư Tây Tạng. Donald Phạm cũng cảm thấy như vậy.

Việc cháu Donald muốn đi tu đã gây nhiều phản ứng và tranh luận trong đại gia đình. Đầu tiên thì chị và em không muốn xa Donald. Còn ông ngoại thì hoàn toàn không vui! Điều ấy cũng thật dễ hiểu. Nhưng ý của chú đã quyết và cha mẹ cũng thông cảm và hỗ trợ nên mọi người quen dần với quyết định này.

Gần bốn năm trôi qua, rồi vào dịp Tết Kỷ Mão 1999, cả gia đình Donald Phạm đã theo Hoà thượng Geshe La qua Ấn Độ. Chú sẽ ở lại nơi đây. Tết Nguyên đán Kỷ Mão thì xuống tóc, trở thành Sa di Kusho Konchog Osel. Tu viện có 1.500 người cùng học nhưng chú được chính đức Đạt Lai Lạt Ma ân cần phó thác cho vị Viện trưởng Tulku Lati Rinpoche trực tiếp hướng dẫn. Mọi người ân cần gọi chú là Kusho-La.

Hai năm sau, Kusho được đưa lên Dharamsala, miền cực Bắc Ấn Độ, vào học viện Lý luận Phật giáo, Institute of Buddhist Dialectics. Có 300 sinh viên, học viện này nằm gần thị trấn McLeod Ganj của Ấn. Thị trấn được gọi là "Little Lhasa", trụ sở của Chính quyền Lưu vong Tây Tạng, và học viện IBD là nơi đức Đạt Lai Lạt Ma thường giảng pháp.

Trong học viện, tiểu Sa di Kusho là người trẻ nhất và được chú ý vì khả năng lãnh hội lẫn tranh luận. Chú còn được khen là từ tốn khiêm nhường và thường trầm lặng trước mỗi quan tâm của truyền thông báo chí. Nhiều người đã luận rằng Kusho có thiên nghiệp để trở thành sư, và có phúc duyên được hướng dẫn bởi những vị cao tăng để theo đuổi Phật học đến chỗ thâm sâu.

Ngày nay, Kusho đã thành một vị sư 21 tuổi, và Xuân này sẽ thọ giới Tỳ kheo với chính đức Đạt Lai Lạt Ma, thành Shakya Bikshu Tenzin Drodon.

Trong khi ấy, gia đình ở nhà cũng thay đổi.

Càng luống tuổi, ông ngoại của Kusho càng thấy ra hai lẽ. Phần mình, thì đời người quả là hữu hạn. Phần cháu ngoại Donald, thì việc cháu trở thành sư là một điều lành.

Đầu năm 2007, ông cụ lâm trọng bệnh và từ Ấn Độ, Kusho trở về thăm ông, có thể là lần cuối. Hai ông cháu gặp nhau trong một cảnh ngộ cảm động.

Được hỏi về chuyến thăm viếng, nhà sư trẻ giải thích là vì muốn cầu nguyện cho tâm của ông ngoại được thanh thoi, vững mạnh, và buông xả hết mọi ưu phiền.

Kusho không tin là mình có "thần lực" hay khả năng hộ niệm để ông "siêu sinh tịnh độ" như ta thường nói. Cháu chỉ muốn gặp ông, hàn huyên để ông vui với tuổi già, có cái nhìn lạc quan tích cực về mọi chuyện. Riêng mình, thì đứa cháu rất cảm động nghe ông nói, rằng mình mừng cho cháu đã đi tìm hạnh phúc trong sự tu tập, vì hạnh phúc thật là khi mưu cầu cho hạnh phúc của người khác. Hai ông cháu đã hoàn toàn cảm thông và cùng nhìn vào một hướng.

Nói đến chuyện "thần lực" hay "hóa thân", đề tài kỳ diệu khi ta nghĩ đến Phật giáo Tây Tạng, Kusho cười hiền hoà và giải thích bằng cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh: Không, chú không là hoá thân hay đang tu tập để có thần lực thi hành được những việc siêu nhiên. Việc tu tập để tìm thần lực hay khả năng siêu nhiên là điều sai.

Nhưng, khi tu tập, Kusho thấy hay nghĩ "mình là ai?" Là một chú bé Việt Nam, một thiếu niên Mỹ hay một Sa di Tây Tạng - Là tất cả!

Ban đầu, khi ở trong Tu viện Gaden thì còn mơ hồ vì có lúc thấy mình là một thiếu niên Mỹ, một đứa trẻ Việt Nam, và nhất là khác lạ với chúng bạn người Tây Tạng chung quanh. Thế rồi một cách tiệm tiến và nhẹ nhàng tự nhiên, chú thấy mình tách rời với tất cả những "hành trang" ấy của quá khứ mà cảm nhận ra một sự thể gì bao nhiếp tất cả. Một sự an nhiên kỳ lạ khiến mình thấy thư thái và tự do hơn.

Cảm giác gọi là "giải thoát" ấy xuất phát từ sự tu tập hay từ ý chí của mình? - Có lẽ, phép tu tập giúp cho ý chí ấy thành vững mạnh hơn và quan trọng nhất, giúp cho mình thấy được cách suy nghĩ tích cực và nuôi dưỡng nghị lực tích cực.

Kusho suy nghĩ rồi nói bằng tiếng Anh: "Positive Energy"

Nhưng, trong tu viện Gaden hay trong học viện ở Dharamsala, Sa môn Kusho có biết hay được biết gì về thế giới bên ngoài không, về "đời sống thật" không?

Ban đầu, trong tu viện thì chỉ học về kinh điển và phép luận giải, chứ qua học viện tại Dharamsala thì các học viên đều có thể xem truyền hình và đọc báo để biết về những gì đang xảy ra trên thế giới. Chính



Đức Đạt Lai Lạt Ma đã muốn các học viên chúng đấng Phật pháp bằng cách hiểu được cộng đồng và thế giới. Ngoài ra, giáo trình của học viện chẳng khác gì nhiều nêu so với một Đại học tân tiến, học viên được giáo dục để biết về thế giới cũng như Phật pháp.

Sau khi hoàn tất khóa học rất dài tại Dharamsala, Kusho sẽ trở lại tu viện Gaden và lúc ấy mới lại sống như một vị tăng trong chùa.

Nhưng, khi biết rằng thế giới này "khô" - vì nạn đói ở Phi châu hay khủng bố tại Trung Đông chẳng hạn - học viên nghĩ sao? Và muốn làm gì để giải trừ cái khổ ấy?

Nhà sư trẻ suy nghĩ giây lát mới giải thích. Trước hết, những tin tức ấy có giá trị "khích lệ", là yếu tố càng thúc đẩy học viên phải tu tập để góp phần giải trừ cái khổ.

Nhưng, nhìn từ các tu viện, cái khổ ấy có là một ý niệm trừu tượng xa vời của "chúng sinh" hay của người khác không? Thí dụ như một bác sĩ vẫn có thể chữa chạy cho bệnh nhân sau khi học về những triệu chứng hay hậu quả của bệnh. Một nhà xã hội cũng có thể học về khủng hoảng để góp phần giải quyết dù mình chẳng là nạn nhân... Liệu cảm nhận về cái khổ này có là một khái niệm tách bạch xa vời vì không trực tiếp liên hệ đến mình ở trong chùa hay trong học viện?

Kusho tìm chữ diễn tả, cả Việt lẫn Anh, rằng sự hiểu biết về cái khổ ấy tác động rất mạnh vào tâm trí, nhưng theo hướng khác. Ý thức về những vấn đề ấy khiến mình càng thêm tin tưởng vào Phật pháp và càng thôi thúc mình làm một cái gì đó để cứu giúp người khác. Đây cũng là bước cần thiết để chúng nghiệm đức tin của mình.

Nếu tu học để thành sư mà không nghĩ đến việc giúp đỡ người khác thì là một sự lãng phí! Phật giáo Tây Tạng rất chú ý đến việc tu dưỡng Bồ đề tâm, đến Bồ tát hạnh và coi việc giúp đỡ người khác là một bổn phận trọng yếu, một phần không thể tách rời trong đức từ bi của người Phật tử.

Nói đến người khác, Kusho có nghĩ đến người Việt và Phật giáo Việt Nam không?

Vị Sa môn trẻ này cảm ơn mẹ cha là những Phật tử đã khuyến khích và giúp đỡ mình trên con đường học đạo. Chính là tấm lòng yêu thương của bà mẹ đã khiến chú cố gắng tu tập để có thể làm tròn bổn phận với Việt Nam.

Vì vậy, sau giai đoạn tu chúng, nhà sư trẻ còn phải đi một bước rất xa là học hỏi thêm về Việt Nam và Phật giáo Việt Nam.

Phật giáo Tây Tạng theo Kim cương thừa (Vajrayana) của Đại thừa Mahayana, nhưng cũng áp dụng phép tu có đặc tính Mật tông và cả Bồ tát hạnh trong những giáo lý nền tảng của Phật giáo Nguyên thủy Theravada. Vì vậy, trong giáo trình đào tạo và tu học, các học viên đều phải thấm nhuần những lý giải Tiểu thừa hay Nguyên thủy. Sau này, Kusho sẽ học thêm về những đặc tính đa diện của Phật giáo Việt Nam và phải thông thạo tiếng Việt để tiếp xúc với Phật tử người Việt.

Một con đường rất dài... Khi viết, Kusho sử dụng cả hai tay, trái và phải, để viết chữ Tây Tạng hay tiếng Anh. Khi học, có lẽ cũng phải nhớ đến tương lai là tìm đến Phật giáo Việt Nam. Vả lại, chính đức Đạt Lai Lạt Ma đã căn dặn như vậy.

Hôm đó, sau khi được Ngài truyền giới, vị tiểu sa môn được đức Đạt Lai Lạt Ma gọi riêng ra chụp chung tấm hình. "Con giữ tấm hình này cho quê hương con. Cho nước Việt Nam". Kusho treo tấm hình trong phòng tại học viện, như một nhắc nhở hàng ngày.

Việc nhà sư Tenzin Dronon này sẽ chúng đấng học vị Geshe có thể chỉ là thời gian vì tâm nguyện như vậy. Nhưng, việc một người có tâm hồn và giáo dục Việt Nam được tu học thành nhà sư Tây Tạng mới là một hạnh ngộ hiếm hoi.

Lời khuyên của Tulku Latu Rinpoche là Kusho hãy cố gắng tinh tấn tu học để trở thành một sa môn đầy đủ Bồ tát hạnh là Bi, Trí, Dũng để hoằng pháp lợi sanh cho nhân thế. Đức Đạt Lai Lạt Ma nói rõ hơn trong từng buổi gặp gỡ: "Đừng quên Việt Nam. Lòng từ bi và trí tuệ của con sẽ giúp ích rất nhiều cho quê hương con."

Pháp danh Dronon quý hiếm này, có lẽ Ngài chọn cho Kusho để hướng tới trách nhiệm với Việt Nam.

Sông Mekong xuất phát từ vùng đất Kham đã tái sinh của hai vị cao tăng Tây Tạng là Gehse La và Tulku Rinpoche. Nơi con sông này đổ ra biển chính là Việt Nam.

Phải chăng, đức Đạt Lai Lạt Ma đã thấy vạn sự từ đầu nguồn tiên kiếp, mà chưa đến lúc nói ra?

Tâm Thành



Nguồn:

<http://www.vietbao.com/?ppid=74&pid=142&nid=103348>